

lần thứ nhất ngày 02/11/2017 và lần thứ hai vào ngày 04/01/2018 nhưng vắng mặt, không lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T vắng mặt theo đơn đề nghị ngày 19/01/2018 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không xuất trình chứng cứ gì mới. Bà T yêu cầu được ly hôn với ông S, yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông S cấp dưỡng. Tài sản, nợ tài sản không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Mai Thanh S đã được Tòa án thực hiện niêm yết văn bản tố tụng phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 03/01/2018 để tham gia phiên tòa sơ thẩm vào ngày 09/02/2018 và niêm yết lần thứ hai vào ngày 28/02/2018 để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần hai vào ngày 19/3/2018 nhưng ông S vẫn không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].**Về tố tụng:** Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là xin ly hôn, bị đơn có nơi cư trú thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L.

- Bị đơn Mai Thanh S đã được Tòa án thực hiện niêm yết văn bản tố tụng phiên tòa sơ thẩm nhưng ông S vẫn không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm; Nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt ngày 19/01/2018. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông S và bà T.

[2].**Về nội dung:** bà T và ông S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H thành phố Vĩnh L vào ngày 18/9/2009 là tuân thủ điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ ngày đăng ký kết hôn 18/9/2009.

Xét nguyên nhân ly hôn là do giữa bà T và ông S chung sống với nhau đã có sự bất hòa và đã ly thân không còn chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng phát triển kinh tế gia đình, cùng trách nhiệm chăm sóc giáo dục con chung. Như vậy, cho thấy các bên đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Đối với ông S, các văn bản tố tụng của Tòa án đã tổng đạt để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm nhưng ông S vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản phản hồi thông báo thụ lý vụ án nên ông S phải chịu mọi hậu quả do không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về con chung, Mai Sơn T sinh ngày 06/11/2014, tuổi còn nhỏ nên bà T chăm sóc nuôi dưỡng là hợp lí. Mặt khác, bà T đảm bảo đủ điều kiện kinh tế và nơi ở ổn định để chăm lo cho cháu Thùy. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con dưới 18 tuổi thì bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này là phù hợp Điều 81, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà T và ông S phải tuân thủ các Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”; “Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

[4]. Về tài sản chung và nợ tài sản: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp, theo biên lai số N⁰ 0003067 ngày 16/10/2017 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L; Bà Nguyễn Thị Mộng T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ông Mai Thanh S không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn với ông Mai Thanh S.

- **Về con chung:** Bà Nguyễn Thị Mộng T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung Mai Sơn T sinh ngày 06/11/2014.

Ghi nhận tự nguyện của bà Nguyễn Thị Mộng T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Mai Thanh S phải tuân thủ các Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”; “Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

- **Về tài sản chung và nợ tài sản:** Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- **Về án phí sơ thẩm:** Căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp, theo biên lai số N0 0003067 ngày 16/10/2017 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L; Bà Nguyễn Thị Mộng T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ông Mai Thanh S không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS cùng cấp;
- Cơ quan T.H.A cùng cấp;
- UBND xã, phường
- Lưu hồ sơ tại Tòa án

Nguyễn Thu Thủy